

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 04/2020/DS-ST
Ngày 05 tháng 6 năm 2020

NHÂN DANH

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hồng P.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng T
2. Ông Nguyễn Văn B

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh T- Thư ký

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân HUYỆN g: Ông Khương Hoài T- Kiểm

Trong ngày ngày 05 tháng 6 năm 2020 tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân HUYỆN g xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 79/2019/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán vật tư nông nghiệp*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thái S, sinh năm 1974 (có mặt)

Địa chỉ: ấp TB A, xã VC, huyện TS, tỉnh AG.

Bị đơn: Bà Phạm Thị B (Phan Thị B), sinh ngày 01/01/1975 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 09, ấp ML, xã VP, HUYỆN g, tỉnh KG.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1974

Địa chỉ: Tổ 09, ấp ML, xã VP, HUYỆN g, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/9/2019, bản tự khai và các biên bản hòa giải nguyên đơn Nguyễn Thái S trình bày:

Ngày 15/3/2015, tôi có bán phân thuốc bảo vệ thực vật cho bà B nhiều lần, số tiền còn nợ là 120.000.000đ. Ngày 05/3/2018 bà B trả được 5.000.000đ; ngày 14/8/2019 bà B trả thêm 8.000.000đ (người nhận là em vợ tên Nguyễn Thị Tiếp) nên số nợ tính đến thời điểm khởi kiện là 107.000.000đ (một trăm lẻ bảy triệu đồng). Trong quá trình tòa án thụ lý giải quyết, vợ chồng bà B thanh toán thêm 10.000.000 đồng nữa nên nợ còn lại là 97.000.000đ (Chín mươi bảy triệu đồng).

Tại phiên tòa, ông S tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện từ 107.000.000 đồng giảm còn 97.000.000 đồng và yêu cầu Hội đồng xét xử buộc vợ chồng bà B, ông Đ thanh toán dứt nợ cho ông.

Bị đơn Phạm Thị B trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn ông Nguyễn Thái S. Bà thừa nhận số tiền hiện tại còn nợ ông S là 97.000.000 đồng . Do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên bà xin trả dần nợ cho ông S mỗi vụ lúa là 10.000.000 đồng đến khi hết nợ.

Về tên họ khác nhau bà khai rằng, trước đây khi ký nhận nợ cho ông S trong giấy chứng minh nhân dân của bà là Phan Thị B nên ghi trong giấy nợ tên Phan Thị B. Khi chứng minh thư hết hạn nên bà đã làm thủ tục cấp đổi giấy mới. Do cán bộ làm giấy chứng minh nhân dân ghi nhầm nên trong giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu mới đều tên là Phạm Thị B sinh ngày 01/01/1975. Bà khẳng định tên Phan Thị B (trước đây) và Phạm Thị B (hiện nay) là cùng một người.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Đ là chồng bà B thống nhất với lời trình bày và cam kết trả nợ của bà B. Ngoài ra ông không yêu cầu gì thêm.

Những tình tiết các đương sự thống nhất với nhau:

Bà B, ông Đ thừa nhận có mua phân bón vật tư nông nghiệp của ông S nhiều lần, số tiền còn nợ là 97.000.000 đồng.

Các bên không thống nhất:

Thời gian, phương thức thanh toán.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân HUYỆN g phát biểu cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án cũng như qua theo dõi diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ những quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đưa người tham gia tố tụng, xác minh thu thập chứng cứ và tổng đạt các

vấn bản tố tụng cho các đương sự. Tuy nhiên, Thẩm phán đã vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử.

Về đường lối xét xử, đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Đề nghị áp dụng bộ luật dân sự 2015 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà B, ông Đ phải trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Thái S số 97.000.000đ (Chín mươi bảy triệu đồng).

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do nguyên đơn tự nguyện rút lại.

Án phí: bà B, ông Đ phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung:

Các đương sự phát sinh tranh chấp được Tòa án thụ lý ngày 02/10/2019 nên quan hệ tranh chấp thuộc phạm vi điều chỉnh của bộ luật dân sự 2015. Do đó có căn cứ áp dụng Bộ luật dân sự 2015 và Bộ luật tố tụng dân sự 2015 để giải quyết.

Nguyên đơn ông Nguyễn Thái S khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Phạm Thị B (Phan Thị B) trả lại số tiền mua phân bón là 97.000.000đ (Chín mươi bảy triệu đồng). Việc khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp huyện theo các Điều 26 và 36 bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận bởi lẽ: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn thừa nhận có mua phân bón vật tư nông nghiệp của nguyên đơn ông Nguyễn Thái S nhiều lần và còn nợ số tiền 97.000.000đ (Chín mươi bảy triệu đồng). Tuy nhiên do không thỏa thuận được thời hạn thanh toán nợ nên vụ kiện phải đưa ra xét xử.

Mặt khác, tại Điều 280 Bộ luật dân sự 2015 về thực hiện nghĩa vụ trả tiền có nêu: “ *Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện Đ đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận*”

Do đó việc bà B, ông Đ chậm thanh toán nợ cho ông S là vi phạm nghĩa vụ thanh toán và bị buộc phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo quy định.

Khi khởi kiện ông S yêu cầu bị đơn thanh toán số nợ 107.000.000 đồng, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn đã trả được 10.000.000 đồng, vì vậy nguyên đơn tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện từ 107.000.000 đồng

giảm còn 97.000.000 đồng. theo quy định tại 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử thấy rằng đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên hoàn trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn ông Nguyễn Thái S.

Bị đơn bà Phạm Thị B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch tương ứng với giá trị phần tài sản có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Thái S là 97.000.000 đồng x 5%.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26, Điều 36, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 280 và Điều 288 Bộ luật dân sự 2015; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thái S.

Buộc bị đơn bà Phạm Thị B (Phan Thị B) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Đ liên đới trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Thái S số tiền 97.000.000đ (Chín mươi bảy triệu đồng).

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu của nguyên đơn do nguyên đơn Nguyễn Thái S tự nguyện rút lại.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi được quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Buộc bị đơn bà Phạm Thị B (Phan Thị B) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Đ phải chịu án phí sơ thẩm số tiền là 4.850.000 đ (Bốn triệu tám trăm năm chục nghìn đồng)

- Trả lại cho nguyên đơn ông Nguyễn Thái S số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.875.000đ (hai triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004803 ngày 02/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự HUYỆN g.

3. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 05/6/2020);

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND HUYỆN g;
- CC THA DS HUYỆN g;
- UBND xã Vĩnh Điều;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Ngọc Hồng P